

Số: 1135 /QĐ-SYT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế tại Bệnh viện Da liễu Thành phố

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 41/2011/TT-BYT ngày 14 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 16/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Y tế thành phố;

Căn cứ Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 02813/SYT-GPHĐ ngày 16/9/2016 của Sở Y tế TPHCM cấp cho Bệnh viện Da liễu Thành phố do BS Nguyễn Trọng Hào chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật;

Xét hồ sơ đề nghị phê duyệt chính thức kỹ thuật “Phẫu thuật MOHS điều trị ung thư da” và 64 kỹ thuật bổ sung của Bệnh viện Da liễu Thành phố do BS Nguyễn Trọng Hào chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật;

Xét Biên bản thẩm định ngày 5 tháng 9 năm 2018 của Hội đồng chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế về việc phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của Bệnh viện Da liễu Thành phố do BS Nguyễn Trọng Hào chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật;

Xét đề nghị của Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ Y tế thực hiện tại Bệnh viện Da liễu Thành phố do BS Nguyễn Trọng Hào chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật tại địa chỉ số 2, đường Nguyễn Thông, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (theo danh mục đính kèm).



Điều 2. Danh mục chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt là cơ sở pháp lý cho việc thực hiện kỹ thuật, chuyển tuyến, thanh toán chi phí khám chữa bệnh và là cơ sở để đơn vị phấn đấu phát triển chuyên môn kỹ thuật.

Điều 3. Giám đốc Bệnh viện Da liễu Thành phố chịu trách nhiệm đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt theo đúng các quy định chuyên môn và quy trình kỹ thuật. Khi không đủ điều kiện thực hiện kỹ thuật đã được phê duyệt thì đơn vị phải chuyển người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thích hợp để điều trị.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng, Trưởng/Phó các phòng chức năng thuộc Sở, Chánh Thanh tra Sở, các tổ chức có liên quan và Giám đốc Bệnh viện Da liễu Thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nguyễn Văn...

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Ban Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Cổng Thông tin Điện tử SYT (để đăng tin);
- Lưu: VT, NVY.
- “NTT, LHNT”

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Tăng Chí Thượng



Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh phê duyệt theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế được triển khai tại Bệnh viện Đa khoa Thành phố do BS Nguyễn Trọng Hào chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật

(đính kèm theo Quyết định số...11.3.5/0A-SYT ngày 07/9/2018 của Sở Y tế TPHCM)

STT	STT KT TT43/2 013/TT -BYT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			3	A	B	C
	1	2				
			A	B	C	D
		II. NỘI KHOA				
		N. DỊ ỨNG - MIỄN DỊCH LÂM SÀNG				
1.	573	Định lượng IgE đặc hiệu với dị nguyên hô hấp (Đối với 1 dị nguyên)	x	x		
2.	574	Định lượng IgE đặc hiệu với dị nguyên thức ăn (Đối với 1 dị nguyên)	x	x		
		III. NHI KHOA *				
		XV. UNG BƯỚU- NHI				
		A. ĐẦU CỔ				
3.	2445	Phẫu thuật ung thư biểu mô tế bào đáy vùng mặt, tạo hình vạt da, đóng khuyết da bằng phẫu thuật tạo hình thâm mỹ đường kính 1-5cm	x	x		
		XVIII. DA LIỄU				
		B. ĐIỀU TRỊ NGOẠI KHOA DA LIỄU				
4.	3023	Thay băng người bệnh chột, loét da dưới 20% diện tích cơ thể	x	x	x	
5.	3024	Thay băng người bệnh chột, loét da trên 20% diện tích cơ thể	x	x	x	
6.	3042	Điều trị sùi mào gà ở phụ nữ bằng đốt điện, plasma, laser, nitor lỏng	x	x	x	x
7.	3043	Điều trị sùi mào gà ở nam giới bằng đốt điện, plasma, laser, nitor lỏng	x	x	x	x
		IX. GÂY MÊ HỒI SỨC				
		D. GÂY TÊ				
8.	3382	Gây tê phẫu thuật cắt u nang bao hoạt dịch	x	x	x	
9.	3598	Gây tê phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu	x	x	x	
10.	3602	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng ghép da tự thân	x	x	x	
11.	3605	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vạt da lân cận	x	x	x	
12.	3606	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vạt da tại chỗ	x	x	x	
13.	3632	Gây tê phẫu thuật đóng cứng khớp cổ chân (chưa bao gồm phương tiện cố định)	x	x	x	



Handwritten signature or initials.

14.	3633	Gây tê phẫu thuật đóng cứng khớp khác	x	x	x	
15.	3667	Gây tê phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay	x	x	x	
16.	3715	Gây tê phẫu thuật hội chứng ống cổ tay	x	x	x	
17.	3882	Gây tê phẫu thuật lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi	x	x		
* Các kỹ thuật có tên trong Chương Nhi trên đây được Bệnh viện thực hiện ở người lớn.						
		V. DA LIỄU				
		B. NGOẠI KHOA				
		2. Phẫu thuật				
18.	63	Phẫu thuật Mohs điều trị ung thư da	x	x		
		X. NGOẠI KHOA				
		G. CHẤN THƯƠNG – CHÍNH HÌNH				
19.	832	Phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	x	x		
		XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				
		A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU				
		(nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho người bệnh)				
20.	11	Điều trị bằng tia hồng ngoại	x	x	x	x
		XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU				
		A. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU				
21.	2	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy bán tự động	x	x	x	
22.	6	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (Tên khác: TCK) bằng máy bán tự động.	x	x	x	
23.	9	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy bán tự động	x	x	x	
		Đ. MIỄN DỊCH HUYẾT HỌC				
24.	321	Kháng thể kháng SS-A (kháng La) (anti SS-A) bằng kỹ thuật ELISA	x	x		
25.	322	Kháng thể kháng SS-B (kháng Ro) (anti SS-B) bằng kỹ thuật ELISA	x	x		
26.	325	Kháng thể kháng dsDNA (anti-dsDNA) bằng kỹ thuật ELISA	x	x		
27.	369	ANA 17 profile test (sàng lọc và định danh đồng thời 17 typ kháng thể kháng nhân bằng thanh sắc ký miễn dịch)	x	x		
		XXIV. VI SINH				
		A. MÁU				
28.	50	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sensitivity)	x	x	x	
29.	130	Định lượng Pro-calcitonin	x	x		

		A. VI KHUẨN				
		1. Vi khuẩn chung				
30.	5	Vi khuẩn nuôi cấy, định danh và kháng thuốc hệ thống tự động	x	x		
		B. VIRUS				
		2. Hepatitis virus				
31.	127	HBcAb test nhanh	x	x	x	x
32.	130	HBeAg test nhanh	x	x	x	x
33.	144	HCV Ab test nhanh	x	x	x	x
		XXVIII. TẠO HÌNH - THẨM MỸ				
		A. TẠO HÌNH VÙNG ĐẦU - MẶT - CỔ				
		1. Vùng xương sọ- da đầu				
34.	63	Phẫu thuật cắt bỏ khối u da lành tính mi mắt	x	x	x	
35.	64	Phẫu thuật cắt bỏ khối u da ác tính mi mắt	x	x	x	
36.	66	Phẫu thuật ghép da tự thân vùng mi mắt	x	x	x	
		3. Vùng mũi				
37.	93	Phẫu thuật tạo hình cánh mũi bằng các vạt da có cuống mạch nuôi	x	x		
38.	94	Phẫu thuật tạo hình cánh mũi bằng ghép phức hợp vành tai	x	x		
		4. Vùng môi				
39.	118	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần bằng vạt tại chỗ	x	x		
40.	119	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần bằng vạt lân cận	x	x		
		5. Vùng tai				
41.	157	Phẫu thuật tạo hình sẹo lồi quá phát vành tai	x	x	x	
42.	159	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vành tai	x	x		
43.	160	Phẫu thuật cắt bỏ u da ác tính vành tai	x	x		
		6. Vùng hàm mặt cổ				
44.	197	Phẫu thuật cắt u da mặt lành tính	x	x	x	
45.	198	Phẫu thuật khâu đóng trực tiếp sẹo vùng cổ, mặt (dưới 3cm)	x	x	x	
46.	199	Phẫu thuật khâu đóng trực tiếp sẹo vùng cổ, mặt (trên 3cm)	x	x	x	
		B. TẠO HÌNH VÙNG THÂN MÌNH				
47.	277	Cắt bỏ khối u da ác tính	x	x		
		D. TẠO HÌNH VÙNG CHI TRÊN VÀ BÀN TAY				
48.	324	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng các vạt da tại chỗ	x	x		



Niên

49.	329	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da tại chỗ	x	x		
50.	351	Phẫu thuật tạo hình kẽ ngón cái	x	x		
51.	370	Phẫu thuật sửa sẹo co cổ bàn tay bằng tạo hình chữ Z	x	x		
52.	371	Phẫu thuật sửa sẹo co ngón tay bằng tạo hình chữ Z	x	x		
E. THẨM MỸ						
53.	410	Phẫu thuật cấy, ghép lông mày	x	x	x	
54.	411	Phẫu thuật cấy tóc điều trị hói	x	x	x	
55.	421	Phẫu thuật tạo hình mắt hai mí	x	x	x	
56.	422	Phẫu thuật khâu tạo hình mắt hai mí	x	x	x	
57.	423	Phẫu thuật lấy bọng mỡ mí dưới	x	x	x	
58.	424	Phẫu thuật thừa da mí dưới	x	x	x	
59.	427	Phẫu thuật treo cung mày bằng chỉ	x	x	x	
60.	430	Phẫu thuật nâng mũi bằng vật liệu đôn nhân tạo	x	x	x	
61.	431	Phẫu thuật nâng mũi bằng sụn tự thân	x	x	x	
62.	436	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau chích chất làm đầy vùng mũi	x	x	x	
63.	441	Phẫu thuật căng da mặt bán phần	x	x	x	
64.	442	Phẫu thuật căng da mặt toàn phần	x	x	x	
65.	450	Thủ thuật treo chỉ căng da mặt các loại	x	x	x	

Kaka